|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ……….**(Đề thi có 5 trang) | **ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT** **NĂM HỌC 2024 - 2025****Môn: Địa lí, Lớp 12**Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề |
|  |  |

**Họ, tên thí sinh:……………………………………………………..**

**Số báo danh:…………………………………………………………**

**PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

**A.** Lào và Thái Lan. **B.** Campuchia và Trung Quốc.

**C.** Lào và Campuchia. **D.** Lào và Trung Quốc.

**Câu 2.** Nước ta thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Có nhiều nét tương đồng về lịch sử và văn hóa.

**B.** Ở khu vực giao thoa giữa các nền văn minh lớn.

**C.** Ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.

**D.** Nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc và bán cầu Đông.

**Câu 3.** Thành phố nào sau đây **không** phải là thành phố trực thuộc Trung ương?

**A.** Hải Phòng. **B.** Huế. **C.** Đà Nẵng **D.** Cần Thơ.

**Câu 4.** Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

**A.** công nghiệp. **B.** thương mại. **C.** du lịch. **D.** nông nghiệp.

**Câu 5.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

**A.** hoa màu lương thực. **B.** phụ phẩm thủy sản.

**C.** thức ăn công nghiệp. **D.** đồng cỏ tự nhiên.

**Câu 6.** Các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu nào sau đây?

**A.** Khí đốt. **B.** Dầu. **C.** Than. **D.** Gỗ.

**Câu 7.** Vận tải đường sông phát triển mạnh nhất trên hệ thống sông nào sau đây ở nước ta?

**A.** Sông Chu. **B.** Sông Cửu Long.

**C.** Sông Mã. **D.** Sông Đồng Nai.

**Câu 8.** Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 9.** Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có

**A.** lao động có truyền thống, kinh nghiệm.

**B.** khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.

**C.** nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng.

**D.** đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.

**Câu 10.** Bãi biển du lịch nào sau đây **không** thuộc đồng bằng sông Hồng?

**A.** Cát Bà. **B.** Trà Cổ. **C.** Đồ Sơn. **D.** Sầm Sơn.

**Câu 11.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

**A.** Bờ biển dài, nhiều đầm phá. **B.** Các tỉnh/thành phố đều giáp biển.

**C.** Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió. **D.** Ít chịu ảnh hưởng của bão.

**Câu 12.** Lợi thế hơn hẳn của Đông Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển tổng hợp kinh tế biển là

**A.** dịch vụ hàng hải. **B.** tài nguyên dầu khí.

**C.** nguồn lợi thủy hải sản. **D.** tài nguyên du lịch biển.

**Câu 13.** Chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát

**A.** hướng các dòng sông. **B.** hướng các dãy núi.

**C.** chế độ nhiệt. **D.** chế độ mưa.

**Câu 14:** Cho biểu đồ về xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010 - 2022:



NDL

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê 2023)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Sự thay đổi quy mô và cơ cấu. **B.** Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu.

**C.** Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu. **D.** Quy mô và tốc độ tăng trưởng.

**Câu 15.** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

**A.** đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

**B.** tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

**C.** khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.

**D.** nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

**Câu 16.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là

**A.** bão, lũ lụt, hạn hán. **B.** gió Lào khô nóng, bão cát.

**C.** xâm nhập mặn, ngập úng. **D.** ngập mặn, sạt lở bờ biển.

**Câu 17.** Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây ở vùng đồi núi mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đa dạng.

**B.** Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh cây lương thực và ăn quả.

**C.** Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chủ yếu phát triển các cây lương thực.

**D.** Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chỉ thuận lợi cho việc trồng lúa nước.

**Câu 18.** Nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

**A.** chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nhu cầu lớn của thị trường.

**B.** khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

**C.** đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có giá trị.

**D.** sản xuất theo hướng thâm canh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Sự phân hóa của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây đươc thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ấm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

**a)** Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.

**b)** Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ấm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc - đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

**c)** Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.

**d)** Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

**a)** Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

**b)** Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới.

**c)** Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên thách thức lớn cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.

**d)** Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long được phát triển theo hướng sinh thái bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thuỷ sản, lúa gạo và trái cây; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh và hữu cơ.

 **a)** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lớn nhất cả nước về lương thực và thủy sản.

 **b)** Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long là chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.

 **c)** Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long góp phần thích ứng với tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt.

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ ở Đồng bằng sông Cửu Long là giải quyết việc làm cho lao động.

**Câu 4.** Cho biểu đồ:

**

SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH

CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

**a)** Khách quốc tế đến nước ta giảm liên tục cho chất lượng sản phẩm du lịch còn thấp.

**b)** Doanh thu du lịch giảm nhiều một phần lớn do số lượt khách giảm.

**c)** Số lượt khách tăng nhanh nhưng doanh thu có xu hướng giảm mạnh.

**d)** Khách trong nước giảm mạnh chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

**Phần III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022**

 *(Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ | 18,6 | 15,3 | 23,1 | 24,8 | 26,8 | 31,4 | 30,6 | 29,9 | 29,0 | 26,2 | 26,0 | 17,8 |

 *(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022. *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của 0C)*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh**

 *(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa | 27,4 | 77,2 | 68,8 | 110,8 | 280,7 | 63,8 | 255,6 | 166,3 | 1166,7 | 352,0 | 718,6 | 47,2 |

 *(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tháng mưa nhiều nhất ở Vinh năm 2022 gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).*

**Câu 3.** Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)*

**Câu 4.** Năm 2021,giá trị xuất khẩu nước ta là 336,1 tỉ USD, giá trị nhập khẩu của nước ta là 332,9 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu của nước ta năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Câu 5.** Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2021 là 7,2 triệu ha, sản lượng là 43,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)*

NDL

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 - 2021**

 *(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **2010** | **2021** |
| Tổng diện tích | 14,3 | 13,4 | 14,7 |
| - Rừng tự nhiên | 14,3 | 10,3 | 10,1 |
| *-* Rừng trồng | 0,0 | 3,1 | 4,6 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

Từ năm 1943 đến năm 2021, diện tích rừng của nước ta tăng thêm bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**…………………HẾT……………….**

*- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐẠTEH**  (Đáp án có 1 trang) | **ĐÁP ÁN ĐỀ THI MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPT** **NĂM HỌC 2024 - 2025****Môn: Địa lí, Lớp 12**Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề**NĐL** |

**PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án. *(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **C** | 10 | **D** |
| 2 | **C** | 11 | **C** |
| 3 | **B** | 12 | **B** |
| 4 | **D** | 13 | **D** |
| 5 | **D** | 14 | **D** |
| 6 | **C** | 15 | **B** |
| 7 | **B** | 16 | **A** |
| 8 | **C** | 17 | **A** |
| 9 | **B** | 18 | **A** |

**PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

*Điểm tối đa của 01 câu hỏi là* ***1 điểm***

NDL

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được* ***0,1*** *điểm.*

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được* ***0,25*** *điểm.*

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được* ***0,5*** *điểm.*

*- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được* ***1*** *điểm NDL.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| 1 | a | **Đ** | 3 | a | **Đ** |
| b | **Đ** | b | **Đ** |
| c | **S** | c | **Đ** |
| d | **Đ** | d | **S** |
| 2 | a | **Đ** | 4 | a | **S** |
| b | **Đ** | b | **Đ** |
| c | **S** | c | **S** |
| d | **Đ** | d | **Đ** |

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

*(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **16,1** | 4 | **101** |
| 2 | **42,6** | 5 | **61** |
| 3 | **62,8** | 6 | **2,8** |

**HẾT**